| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 5 – PHÚ THỌ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **45**/2026/HNGĐ-ST
Ngày 28-5-2026
*V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5, TỈNH PHÚ THỌ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Mai Linh
*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Trí Dũng
Ông Nguyễn Thanh Hồng

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Minh Thắng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5, tỉnh Phú Thọ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Ngọc Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2025/TLST-HNGĐ ngày 24/3/2026 về việc "Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/4/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2026/QĐST-HNGĐ ngày 15/5/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H - sinh năm 1989

Trú tại: Thôn N, xã B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L – sinh năm 1987

Trú tại: Khu E, H, xã Đ, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày nội dung và yêu cầu khởi kiện của mình như sau:

Chị và anh Nguyễn Văn L có đăng ký kết hôn vào ngày 13/3/2013 tại UBND xã H, nay là xã Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau kết hôn, anh chị chung sống cùng với gia đình anh L tại khu E, xã H là xã Đ. Qúa trình chung sống, vợ chồng chị hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung và bất đồng quan điểm sống dẫn đến nhiều năm nay chị và anh L đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn L có 01 con chung là Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 29/6/2014. Hiện con chung đang ở với chị. Sau ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Quá trình giải quyết và xét xử vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án thông báo, triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc nên không lấy được lời khai của anh L và không tiến hành hòa giải được vụ án. Tòa án đã xác minh làm việc, tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng trong vụ án với chị Nguyễn Thị N (là chị dâu của anh L, có hộ khẩu thường trú và sống cùng nhà với anh L). Chị N cam kết giao, thông báo lại cho anh L. Chị N xác nhận việc kết hôn và quá trình chung sống giữa chị H và anh L đúng như chị H đã trình bày. Nguyên nhân vợ chồng chị H và anh L mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên anh chị đã sống ly thân nhiều năm nay, không còn chung sống từ đó tới nay. Về con chung thì chị H và anh L có 01 con chung là Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 29/6/2014, hiện con chung đang ở với chị H. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức chị H và anh L không có gì. Anh Linh hiện nay đi làm ăn xa nhưng vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình. Việc chị H xin ly hôn anh L, anh L đã biết việc này, và trao đổi lại với gia đình là đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Quá trình làm việc và xác minh tại chính quyền địa phương xác nhận tình trạng hôn nhân như chị H trình bày. Anh chị hiện đã sống ly thân, không còn quan tâm yêu thương nhau. Nay chị H xin ly hôn và đề nghị giải quyết về con chung, quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Tại phiên tòa, đại điện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, xác định:*

- Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 29/6/2014. Anh Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và công sức đóng góp: Không giải quyết.

- Về án phí: Chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự:

Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và nơi cư trú của bị đơn anh Nguyễn Văn L là tại xã Đ, tỉnh Phú Thọ nên Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc và vẫn vắng mặt phiên tòa lần 2 không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh L.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn L đăng ký kết hôn vào ngày 13/3/2013 tại UBND xã H, nay là xã Đ, tỉnh Phú Thọ. Khi kết hôn hai bên tự nguyện, không bị ép buộc. Như vậy, hôn nhân giữa chị H và anh L đảm bảo các điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đó là hôn nhân hợp pháp. Lời trình bày của chị H, xác minh tại nơi cư trú của anh L và các chứng cứ thu thập được cho thấy trong quá trình chung sống, chị H và anh L có xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân, không còn chung sống cùng nhau nhiều năm nay. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh chị mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị H xin ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn L có 01 con chung là Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 29/6/2014, hiện cháu đang ở với chị H. Hội đồng xét xử xét thấy, chị H có chỗ ở, thu nhập ổn định. Từ khi vợ chồng ly thân, cháu K được trực tiếp chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, đảm bảo sinh hoạt, ăn học đầy đủ. Nguyện vọng của cháu K muốn được ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung, tránh xáo trộn cuộc sống ổn định của cháu, cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu K là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: Chị H không đề nghị nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 29/6/2014. Anh Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H.

Hai bên có quyền thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002322 ngày 24/3/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Chị H đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị Thanh H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- VKSND khu vực 5;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 5;
- UBND xã Đan Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Mai Linh**